

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**

Yên Thành, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Ngày: 22/3/2019

V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hào.

2. Ông Trần Văn Hân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy T** - sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: xóm 6, xã B, huyện Y, tỉnh N.(có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: xóm 6, xã B, huyện Y, tỉnh N.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/02/2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T Trình bày: Anh và chị H kết hôn vào ngày 19/11/2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã B, huyện Y, tỉnh N. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (khoảng 2 năm) thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng và trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu: do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị

H thường xuyên bỏ nhà ra đi, đi đâu làm gì thì anh không được biết. Bản thân anh cũng như hai bên nội ngoại nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H vẫn không chịu sửa chữa. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn qua lại, quan hệ gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Tại bản tự khai đề ngày 06/3/2019, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn chị **Nguyễn Thị H** Tnh bày: chị thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như anh T đã Tnh bày ở trên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, thỉnh thoảng có xảy ra chửi bới, đánh đập, xúc phạm lẫn nhau. Hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, không còn tình cảm gì nữa. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị hoàn toàn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 2 con chung là: Nguyễn Duy Q – sinh ngày 10/5/2011 và Nguyễn Duy A – sinh ngày 12/7/2014. Ly hôn hai bên đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Xét hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp, tuân thủ các quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế và xác minh tại địa phương thì thấy rằng, cuộc sống của vợ chồng đã nhiều năm nay không được hòa thuận, hạnh phúc, tính cách không hòa hợp nhau. Mâu thuẫn liên tục xảy ra và đã thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Tòa án đã khuyên bàn nhưng cả hai đều xin được ly hôn. Xét đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như đã nêu trên, cả 2 bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ và trách nhiệm của bậc làm cha mẹ. Song xét trên thực tế cả 2 con chung đều

đang ở ổn định với anh T từ nhỏ cho đến nay. Anh T hiện làm ăn sinh sống tại địa phương, có nơi ở và công việc ổn định, thu nhập bình Q mỗi tháng khoảng hơn 8 triệu đồng. Mặt khác, qua lấy lời khai của cháu Q, cũng như tại phiên tòa, cháu Q một mực xin Hội đồng xét xử cho cả 2 anh em được ở với bố vì mẹ cháu phải đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà. Trên thực tế, chị H hiện đang làm công nhân tại BD, thu nhập ở mức trung bình lại chưa có nơi ở ổn định, nên không thể đảm đương được việc nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cả 2 con chung cho anh T trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký cụ thể như sau: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện các quy định tại điều 203 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp. Việc chấp hành theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa Thẩm phán, HĐXX và Thư ký thực hiện đúng Tinh tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án. Với các tài liệu do đương sự cung cấp và thẩm phán thu thập có tại hồ sơ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận thuận tình ly hôn và giao cả 2 con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự; điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa: anh **Nguyễn Duy T** và chị **Nguyễn Thị H**.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy Q - sinh ngày 10/5/2011 và Nguyễn Duy A - sinh ngày 12/7/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H.

Chị **Nguyễn Thị H** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Nguyễn Duy T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003498 ngày 28/02/2019. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

Phạm Văn Giang